

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51 /2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

Căn cứ Thông tư số 103/2025/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 55 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15.

b) Quyết định này không áp dụng đối với các khu vực đô thị được quy hoạch, đầu tư xây dựng mới.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Những nội dung không quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Quy định về giao thông cho xe chữa cháy

1. Đối với nhà ở, nhà công cộng có chiều cao phòng cháy chữa cháy đến 15 m đường giao thông phải bảo đảm xe chữa cháy có thể triển khai lăng, vòi chữa cháy đến điểm cao nhất của công trình không quá 200 m.

2. Đối với nhà ở, nhà công cộng có chiều cao phòng cháy chữa cháy trên 15 m đến 21 m:

a) Khoảng cách điểm cuối của đường cho xe chữa cháy tiếp cận đến điểm bất kỳ trên hình chiếu bằng của nhà cho phép đến 100 m mà không yêu cầu trang bị thêm;

b) Khoảng cách từ điểm cuối của đường cho xe chữa cháy tiếp cận đến điểm bất kỳ trên hình chiếu bằng của nhà cho phép đến 200 m khi bảo đảm đồng thời các yêu cầu sau:

- Số người trên mỗi tầng không quá 50 người;

- Có các nguồn cung cấp nước khác bảo đảm áp lực và lưu lượng (*như trụ nước chữa cháy; bể nước ngoài nhà và máy bơm chữa cháy không tay bảo đảm áp lực và lưu lượng*) trong bán kính 200 m tính từ trụ nước hoặc vị trí xe chữa cháy, máy bơm triển khai hút được nước hoặc bố trí họng chờ cấp nước có đường kính 65 mm dành cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp kết nối từ vị trí có đường cho xe chữa cháy đến chân công trình.

3. Đối với nhà ở, nhà công cộng có chiều cao phòng cháy chữa cháy trên 21 m đến 28 m:

a) Khoảng cách điểm cuối của đường cho xe chữa cháy tiếp cận đến điểm bất kỳ trên hình chiếu bằng của nhà cho phép đến 60 m mà không yêu cầu trang bị thêm;

b) Khoảng cách từ đường cho xe chữa cháy tiếp cận đến điểm bất kỳ trên hình chiếu bằng của nhà cho phép đến 100 m khi bảo đảm đồng thời các yêu cầu sau:

- Số người trên mỗi tầng không quá 50 người;

- Có các nguồn cung cấp nước khác bảo đảm áp lực và lưu lượng (*như trụ nước chữa cháy; bể nước ngoài nhà và máy bơm chữa cháy không tay bảo đảm áp lực và lưu lượng*) trong bán kính 200 m tính từ trụ nước hoặc vị trí xe chữa cháy, máy bơm triển khai hút được nước hoặc bố trí họng chờ cấp nước đường kính 65 mm dành cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp kết nối từ vị trí có đường cho xe chữa cháy đến chân công trình.

4. Đối với nhà sản xuất, kho có quy mô 01 tầng, diện tích đến 1.200 m² hoặc quy mô 02 tầng, diện tích mỗi tầng đến 600 m²:

a) Khoảng cách điểm cuối của đường cho xe chữa cháy tiếp cận đến điểm bất kỳ trên hình chiếu bằng của nhà cho phép đến 100 m mà không yêu cầu trang bị thêm;

b) Khoảng cách từ công trình đến đường giao thông cho phép đến 200 m khi bảo đảm đồng thời các yêu cầu sau:

- Số người trên mỗi tầng không quá 50 người;

- Có các nguồn cung cấp nước khác bảo đảm áp lực và lưu lượng (*như trụ nước chữa cháy; bể nước ngoài nhà và máy bơm chữa cháy không tay bảo đảm áp lực và lưu lượng*) trong bán kính 200 m tính từ trụ nước hoặc vị trí xe chữa cháy, máy bơm triển khai hút được nước hoặc bố trí họng chờ cấp nước đường kính 65 mm dành cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp kết nối từ vị trí có đường cho xe chữa cháy đến chân công trình.

5. Đối với khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông phục vụ chữa cháy theo các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này và quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành thì thực hiện việc nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang hạ tầng giao thông đảm bảo cho phương tiện của lực lượng chữa cháy tiếp cận, đáp ứng theo quy định tại Điều này và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quy định về nguồn nước phục vụ chữa cháy

1. Bồn, bể, trụ nước chữa cháy ngoài nhà, hồ nước chữa cháy tự nhiên và nhân tạo phải đặt tại vị trí bảo đảm bán kính phục vụ theo quy định tại tiểu mục H.1.4.7 mục H.1 Phụ lục H (Quy định) Yêu cầu về thiết kế, lắp đặt hệ thống QCVN 10:2025/BCA Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình ban hành kèm theo Thông tư số 103/2025/TT-BCA.

2. Các ao, hồ, sông, bể nước,... để cho xe chữa cháy hút nước phải có lối tiếp cận và có bến lấy nước với bề mặt bảo đảm tải trọng dành cho xe chữa cháy hoặc máy bơm chữa cháy lấy nước, quy cách bến cho xe chữa cháy lấy nước thực hiện theo Hình H.1 Phụ lục H (Quy định) Yêu cầu về thiết kế, lắp đặt hệ thống QCVN 10:2025/BCA Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình ban hành kèm theo



Thông tư số 103/2025/TT-BCA ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình.

Khi không thể hút nước chữa cháy trực tiếp từ bồn, bể hoặc ao, hồ... bằng xe máy bơm hoặc máy bơm di động, thì phải cung cấp các hố thu với thể tích không nhỏ hơn 3 m^3 , quy cách đường ống dẫn và hố thu nước cho xe chữa cháy lấy nước thực hiện theo quy định tại tiểu mục H.1.5.9 mục H.1 và Hình H.2 Phụ lục H (Quy định) Yêu cầu về thiết kế, lắp đặt hệ thống QCVN 10:2025/BCA Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình ban hành kèm theo Thông tư số 103/2025/TT-BCA.

3. Trong khu dân cư không có đường ống cấp nước chữa cháy hoặc hiệu suất của mạng đường ống ngoài nhà không đủ để truyền lưu lượng nước tính toán cho chữa cháy hoặc khi liên kết ống vào mạng đường ống cụt thì phải có bồn, bể nước bảo đảm chữa cháy trong 3 giờ.

Cho phép tính toán giải pháp bù nước vào bồn, bể nước chữa cháy để bù lại phần khối tích còn thiếu khi tính toán bồn, bể nước dự trữ chữa cháy.

Các yêu cầu đối với bồn, bể trữ nước cho chữa cháy thực hiện theo quy định tại tiểu mục H.1.5 mục H.1 Phụ lục H (Quy định) Yêu cầu về thiết kế, lắp đặt hệ thống QCVN 10:2025/BCA Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình ban hành kèm theo Thông tư số 103/2025/TT-BCA.

4. Đối với khu vực đô thị không đảm bảo nguồn nước phục vụ chữa cháy theo các khoản 1, 2, 3 Điều này và quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành thì thực hiện việc nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang đảm bảo theo quy định tại Điều này và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan hướng dẫn việc triển khai thực hiện Quyết định này bảo đảm theo quy định.

b) Định kỳ hàng năm tổ chức kiểm tra hệ thống cấp nước chữa cháy bảo đảm quy định tại Điều 3 Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan.

c) Phối hợp rà soát, đánh giá và xác định các khu vực không bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan hướng dẫn việc triển khai thực hiện Quyết định này đảm bảo theo quy định.

b) Chủ trì, tổng hợp danh mục các khu vực và kế hoạch, lộ trình cải tạo, chỉnh trang do các phường, xã báo cáo, đề xuất để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc (nếu có); trường hợp vượt thẩm quyền tham mưu đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân các xã, phường, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh nguồn kinh phí để thực hiện các dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy, đúng phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành và phù hợp với điều kiện của địa phương.

b) Hướng dẫn các địa phương quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong thực hiện cải tạo, chỉnh trang đô thị phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy.

4. Các Sở, ban, ngành

a) Phối hợp với Sở Xây dựng và Công an tỉnh hướng dẫn việc triển khai thực hiện Quyết định này đảm bảo theo quy định.

b) Tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm khi có yêu cầu để phục vụ công tác thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án cải tạo, chỉnh trang khu vực đô thị theo quy định của pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Quyết định này cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trên phạm vi địa bàn quản lý.

b) Rà soát các khu vực đô thị trên phạm vi địa bàn quản lý không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy, báo cáo cấp có thẩm quyền làm cơ sở thực hiện việc cải tạo, chỉnh trang phù hợp theo Quyết định này.

c) Lập kế hoạch, lộ trình thực hiện cải tạo, chỉnh trang các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Xây dựng) để xem xét, phê duyệt.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.
2. Bãi bỏ toàn bộ, một phần các quy định sau:



a) Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Bãi bỏ số thứ tự 116 mục XIII Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc áp dụng các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Như khoản 4, Điều 5 (thi hành);
- UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu văn bản QPPL tỉnh (đăng tải);
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT, NC, CVNCTH, CAT, SXD. *ll*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Huy Ngọc